

PHỤ LỤC II

Danh mục thuốc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm gói thầu: Mua sắm thuốc sử dụng tại nhà thuốc Bệnh viện Mắt Thanh Hoá năm 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVM ngày tháng 8 năm 2026 của Bệnh viện Mắt Thanh Hoá)

Gói 1: Thuốc Generic

STT	Mã thuốc	Nhóm TCKT	Hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	ĐVT	Tổng số lượng dự kiến	Giá trúng thầu	Thành tiền	Ghi chú
1	G1.1	4	Acetazolamid	250mg	Viên, Uống	Viên	50,000	987	49,350,000	
2	G1.2	1	Proparacain hydroclorid	0,5%	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	380	39,380	14,964,400	
3	G1.3	3	Cefuroxim	250mg	Viên nang, Uống	Viên	43,400	7,850	340,690,000	
4	G1.4	4	Coenzym Q10 (ubidecarenon)	30mg	Viên nang, Uống	Viên	70,000	3,880	271,600,000	
5	G1.5	4	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2+ Vitamin B6+ Vitamin B3+ Vitamin B12+ Lysin.HCl+Calci + Sắt+ Magnesi	1000IU +270IU+ 2mg+2mg+2mg+8mg+3mcg +30mg+20mg+1,5mg+1mg	Viên nang, Uống	Viên	92,000	4,500	414,000,000	
6	G1.6	1	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	10mg/ml + 5mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	1,700	310,800	528,360,000	
7	G1.7	1	Cao khô lá bạch quả đã chuẩn hóa	80mg	Viên nang, Uống	Viên	430,000	6,599	2,837,570,000	
8	G1.8	1	Bromfenac natri hydrat	0.1% (1mg/ml)	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	8,000	128,000	1,024,000,000	
9	G1.9	5	Dorzolamid (dưới dạng Dorzolamid hydroclorid) + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	20mg/1ml + 5mg/1ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	1,300	210,000	273,000,000	

10	G1.10	1	Levofloxacin hydrat	15mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	13,300	115,999	1,542,786,700	
11	G1.11	1	Dầu cá ngừ tự nhiên (Chứa: Eicosapentaenoic acid + Docosahexaenoic acid + Omega-3 marine triglycerides)	1g (chứa: Eicosapentaenoic acid 60mg; Docosahexaenoic acid 260mg; Omega-3 marine triglycerides 320mg)	Viên nang, Uống	Viên	120,000	12,600	1,512,000,000	
12	G1.12	4	Moxifloxacin + Dexamethason phosphat	(5mg/ml + 1mg/ml); 0,4ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Ống	27,060	5,500	148,830,000	
13	G1.13	4	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	5mg/ml; 10ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Ống	7,200	60,000	432,000,000	
14	G1.14	4	Nấm men khô chứa selen; Nấm men khô chứa crom; Acid ascorbic	25mg + 25mg + 50mg	Viên nang, Uống	Viên	110,800	4,900	542,920,000	
15	G1.15	4	Fexofenadin hydroclorid	180mg	Viên nang, Uống	Viên	4,500	4,780	21,510,000	
16	G1.16	1	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 5 mg/ml	5mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	6,000	84,000	504,000,000	
17	G1.17	1	Fluorometholon	1mg/1ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	11,830	37,800	447,174,000	
18	G1.18	4	Omeprazol+ Natri bicarbonat	20mg + 1680mg	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch; Uống	Gói	31,200	7,180	224,016,000	
19	G1.19	2	Sodium hyaluronat	1mg/1ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Ống	130,600	12,000	1,567,200,000	
20	G1.20	1	Indomethacin	0,1%	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	4,200	68,000	285,600,000	

21	G1.21	4	Kali clorid	500mg	Viên, Uống	Viên	90,000	800	72,000,000	
22	G1.22	4	Ketotifen (dưới dạng Ketotifen fumarat)	0,5mg/ml ;0,4ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Ống	13,160	5,500	72,380,000	
23	G1.23	1	Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat + dexamethason	(3500IU + 6000IU + 1mg)gram; 3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuyp	5,770	51,900	299,463,000	
24	G1.24	1	Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat + dexamethason	3500IU/ ml + 6000IU/ ml + 1mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	7,700	41,800	321,860,000	
25	G1.25	1	Methylprednisolo n	16mg	Viên, Uống	Viên	61,200	3,930	240,516,000	
26	G1.26	4	Cefprozil	500mg	Viên nang, Uống	Viên	108,000	25,000	2,700,000,000	
27	G1.27	4	Natamycin	5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	600	350,000	210,000,000	
28	G1.28	1	Ofloxacin	0,3%; 3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	6,220	74,530	463,576,600	
29	G1.29	4	Acid ascorbic + Calcium carbonat + Lysin HCl	(72,4mg + 12,8mg + 28,330mg)ml; 5ml	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch; Uống	Ống	34,800	10,458	363,938,400	
30	G1.30	4	Nhôm phosphat gel	20%; 10g	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch; Uống	Gói	31,530	9,400	296,382,000	
31	G1.31	4	Natri clorid (Không chất bảo quản)	0,9%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	ống	12,500	4,800	60,000,000	
32	G1.32	4	Retinyl acetate + DL- α - Tocopheryl acetate +Cao Vaccinium myrtillus + L- Citrulline +N- acetyl-L-aspartic acid + Pyridoxine hydrochloride	2.500 IU+ 25mg+10 0mg+ 10mg+ 10m+ 25mg	Viên nang, Uống	Viên	68,000	6,450	438,600,000	

33	G1.33	1	Cyclosporine	0.05%	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	11,700	17,906	209,500,200	
34	G1.34	1	Natri hyaluronat	3mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	9,500	126,000	1,197,000,000	
35	G1.35	1	Polyethylen glycol 400 + propylen glycol	0,4% + 0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	7,500	60,100	450,750,000	
36	G1.36	1	Tafluprost	0,0375mg /2,5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	3,600	244,799	881,276,400	
37	G1.37	5	Tafluprost + Timolol	0,015mg/ml + 5mg/ml; 2,5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	1,350	262,399	354,238,650	
38	G1.38	2	Ginko Biloba	120mg	Viên nang, Uống	Viên	43,000	6,250	268,750,000	
39	G1.39	1	Tobramycin + dexamethason (Hoặc dạng muối)	(3mg + 1mg)/gram; 3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuyp	5,920	52,300	309,616,000	
40	G1.40	4	Atropin sulfat	10mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Ống	6,750	12,600	85,050,000	
41	G1.41	4	Alphachymotrypsin	8400UI	Bột/cốm/hạt pha; Uống	Gói	90,000	8,000	720,000,000	
42	G1.42	2	Aessin	40mg	Viên, Uống	Viên	121,200	8,559	1,037,350,800	
43	G1.43	4	Amoxicilin +Sulbactam	875mg+125mg	Viên hoà tan nhanh	Viên	130,000	13,300	1,729,000,000	
44	G1.44	1	Deflazacort	6mg	viên, Uống	Viên	75,000	10,600	795,000,000	
45	G1.45	2	Acyclovir	105mg/3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	2,000	79,000	158,000,000	
46	G1.46	2	Ofloxacin	10,5mg /3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	11,000	48,930	538,230,000	
47	G1.47	2	Polymycin B sulfate + Neomycin sulfate + Dexamethasone	(21000UI +12,25mg+3,5mg); 3,5g	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	6,000	43,500	261,000,000	
48	G1.48	1	Moxifloxacin	1,25mg/0,25ml	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mắt	Tép	7,500	12,000	90,000,000	

49	G1.49	1	Natri hyaluronat	1mg/ml; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	42,500	55,200	2,346,000,000	
50	G1.50	4	Cao khô lá bạch quả	40mg/1ml	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch; Uống	Ống	25,000	14,890	372,250,000	
51	G1.51	2	Cao khô lá bạch quả	120mg	viên, uống	Viên	28,000	5,900	165,200,000	
52	G1.52	4	Calci ascorbat + Lysin hydroclorid + acid ascorbic	250mg +141,7mg +136,6mg	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch; Uống	Ống	32,500	6,500	211,250,000	
53	G1.53	4	Cefprozil	250mg	Viên nang, uống	Viên	23,000	15,050	346,150,000	
54	G1.54	4	Cao bạch quả + vitamin B1+ vitaminB2 + vitaminB6+ vitaminPP	40mg+10mg+5mg +5mg+10mg	Viên nang, uống	Viên	68,000	8,590	584,120,000	
55	G1.55	4	Ubidecarenon	10mg	Viên, Uống	Viên	23,800	3,800	90,440,000	
56	G1.56	1	Ciprofloxacin	750mg	Viên, Uống	Viên	7,000	16,200	113,400,000	
57	G1.57	4	Atropin Sulfat	0.01%; 0,3ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Tép	17,000	9,450	160,650,000	
58	G1.58	4	Natri hyolunat	1,8mg/1ml; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Tép	17,000	8,000	136,000,000	
59	G1.59	2	Triamcinolone acetonide	80mg/2ml	Thuốc tiêm, tiêm	ống	200	28,800	5,760,000	
60	G1.60	4	Cyanocobalamin	0,02%; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Tép	10,800	6,500	70,200,000	
		Tổng							32,206,469,150	

Gói 2: Thuốc Biệt dược gốc										
STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	ĐVT	Tổng số lượng dự kiến	Giá trúng thầu	Thành tiền	Ghi chú
1	G2.1	Cravit hoặc Tương đương điều trị	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	18500	88,515	1,637,527,500	

2	G2.2	Lumigan hoặc Tương đương điều trị	Bimatoprost	0.3mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	890	252,079	224,350,310	
3	G2.3	Nevanac hoặc Tương đương điều trị	Nepafenac	1mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	2400	152,999	367,197,600	
4	G2.4	Oflovid hoặc Tương đương điều trị	Ofloxacin	15mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	9390	55,872	524,638,080	
5	G2.5	Pataday hoặc Tương đương điều trị	Olopatadine hydrochloride	0,2%	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Chai	1500	131,099	196,648,500	
6	G2.6	Sanlein 0,1 hoặc Tương đương điều trị	Natri hyaluronat	5mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Hộp	11700	68,250	798,525,000	
7	G2.7	Tobradex 5ml hoặc Tương đương điều trị	Tobramycin + dexamethason	3mg/ml + 1mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	10300	47,300	487,190,000	
8	G2.8	Tobrex hoặc Tương đương điều trị	Tobramycin	3mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	4150	43,575	180,836,250	
9	G2.9	Vigamox hoặc Tương đương điều trị	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	13000	89,000	1,157,000,000	
		Tổng							5,573,913,240	
		Tổng cộng							37,780,382,390	

1. Gói 1: Thuốc Generic (60 mặt hàng, mỗi thuốc là 1 phần; Giá gói thầu: 32.206.469.150 VNĐ)

2.Gói 2: Thuốc biệt dược gốc (Gồm 9 thuốc, Mỗi thuốc là 1 phần; Giá gói thầu: 5.573.913.240 VNĐ)

